

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty ổn định và các chỉ tiêu tăng trưởng vượt so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ so với KH	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ so với TH 2022
1	Nước ghi thu	M <sup>3</sup>	22.018.544	22.793.978	103,52%	21.974.595	103,73%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	198.323	214.160	107,99%	210.499	101,74%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	51.129	81.095	158,61%	68.208	118,89%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	44.549	72.031	161,69%	59.429	121,21%
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	239.255	265.687	111,05%	238.953	111,19%
6	Tổng Tài sản	Triệu đồng		380.310		366.348	103,81%
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	18,62	27,11	145,61%	24,87	109,01%
8	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		18,94		16,22	116,77%

### 2. Phân tích, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và kết quả đạt được

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, Ban Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty đã không ngừng cố gắng thực hiện các định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Năm 2023, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi, khó khăn như sau:

#### • Thuận lợi:

- Trong năm qua Công ty luôn nhận được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự giúp đỡ của các Sở, ngành chức năng và sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động; củng cố mối quan hệ lao động hài hoà tiến bộ, công khai, minh bạch đã tạo đồng thuận và là động lực quan trọng giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên, người lao động có tinh thần trách nhiệm cao, chủ động khắc phục khó khăn; có ý thức chấp hành pháp luật, quy trình, quy tắc, nội quy, quy chế của đơn vị; luôn giữ sự đoàn kết, thống nhất, yên tâm làm việc, xây dựng đơn vị ổn định và phát triển;

- Hệ thống cấp nước tại các đô thị hoạt động luôn ổn định;

- Các Nhà máy sản xuất đã được cải tạo, đầu tư nâng cấp, qua đó tăng công suất năng lực cấp nước đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng;

- Công tác phát triển mạng lưới, phát triển khách hàng được quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận với dịch vụ cấp nước, góp phần tăng sản lượng nước và doanh thu;

- Công tác giải quyết các yêu cầu lắp mới, nâng, dời, kiểm định đồng hồ nước được thực hiện đúng quy trình, đúng thời gian quy định, đảm bảo hài lòng khách hàng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho đơn vị.

• **Khó khăn:**

- Với tốc độ phát triển nhanh của tỉnh nhà, hiện nay các nhà máy nước qua thời gian dài sử dụng đã có tình trạng quá tải. Các Hệ thống cấp nước do các đơn vị ngoài công ty đầu tư chưa đồng bộ, gây khó khăn về mặt áp lực cũng như lưu lượng cấp nước cho khách hàng;

- Các công trình mở rộng mạng lưới cấp nước khi triển khai bị vướng ở thủ tục xin phép khi buộc phải tự di dời, cải tạo mà không được đền bù khi có thu hồi của Nhà nước gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty;

- Một số dự án đầu tư chưa đúng tiến độ như: Cải tạo nâng cấp Nhà máy nước Tháp Chàm công suất từ 52.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 120.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02;

Lý do: Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đang cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và bổ sung danh mục các dự án chuyển đổi đất năm 2024.

### 3. Kết quả triển khai các dự án đầu tư

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, Công ty đã thực hiện đầu tư một số công trình để đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng ngày càng cao như:

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

+ Cải tạo, sửa chữa hệ thống cấp nước dọc hai bên đường đôi vào TP. Phan Rang Tháp Chàm (đoạn phía Nam); Hạng mục: di dời tuyến ống cấp nước phục vụ nâng cấp mở rộng đường;

+ Cải tạo, sửa chữa các hạng mục thuộc Nhà máy nước Tháp Chàm: Khuôn viên, tường rào, sửa mái che cho khu xử lý 40.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; khuôn viên, tường rào Trạm bơm tăng áp Phan Rang (Phù Hà); Lắp đặt mái che máy phát điện 600KVA trạm bơm cấp 1 (Trạm bơm nước thô);

+ Cải tạo, sửa chữa các hạng mục thuộc Nhà máy nước Tân Sơn: Sơn sửa tường rào trạm bơm cấp I, nhà làm việc, nhà kho và khu vực trạm bơm cấp II;

+ Cải tạo, sửa chữa các hạng mục thuộc Nhà máy nước Phước Dân: Tường rào Trạm giao dịch Cà Ná; Nhà làm việc Trạm bơm Cà Ná;

+ Sửa chữa, sơn, chống thấm Trạm giao dịch Ninh Hải;

+ Cải tạo, sửa chữa, hệ thống cấp nước khu tái định cư Thành Hải khu vực Phan Rang Tháp Chàm;

+ Cải tạo, sửa chữa, thay thế tuyến ống khu vực huyện Ninh Phước và huyện Thuận Nam;

+ Cải tạo, sửa chữa, thay thế tuyến ống các khu vực huyện Ninh Sơn;

+ Trang bị một số máy móc, thiết bị như: 05 bình rộng chứa Clor thay thế cho những bình đã hư hỏng; Lắp đặt 03 đầu bơm động cơ 132kw tại Trạm bơm tăng áp Phan Rang; Máy phát điện DOOSAN POWER 600KVA tại Trạm bơm I của Nhà máy nước Tháp Chàm; Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng cho các nhà máy nước (Tháp Chàm, Tân Sơn); Mua sắm thay đồng hồ châm PAC Trạm bơm cấp II của NMN Tháp Chàm.

- Các hạng mục XDCB sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy tốt hiệu quả, qua đó tăng được sản lượng nước, chất lượng nước ổn định;... Việc mua sắm vật tư sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, trang bị dụng cụ lao động theo đề xuất của các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo chất lượng, nhanh chóng và giá thành hợp lý. Các máy móc, trang thiết bị sau khi đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả trong việc đảm bảo an toàn bảo mật mạng nội bộ Công ty, duy trì tính ổn định của máy móc và đảm bảo hoạt động liên tục của các trạm, nhà máy để đáp ứng nhu cầu về áp lực, lưu lượng cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và các nhu cầu khác.

- Việc sử dụng vốn đầu tư vào công tác phát triển sản xuất, mua sắm trang thiết bị máy móc, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các hạng mục của các Nhà máy cải tạo mở rộng mạng lưới cấp nước các nhà máy nước có hiệu quả, nâng cao được công suất khai thác cho các Nhà máy nước, phát triển thêm số hộ khách hàng sử dụng nước.

#### **4. Công tác quản lý, dịch vụ khách hàng**

Năm 2023, số khách hàng phát triển mới là 2.091 hộ (*thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: 1.156 hộ, huyện Ninh Hải: 342 hộ, huyện Ninh Phước và huyện Thuận Nam: 407 hộ, huyện Ninh Sơn: 186 hộ*).

Đẩy mạnh thanh toán tiền nước qua hình thức thanh toán trực tuyến, trích nợ tự động, qua các ví điện tử và thu tiền tại quầy và các điểm thu. Tiến tới ngưng thu tiền nước tại nhà theo đúng lộ trình của Chính phủ quy định.

Triển khai vận động khách hàng tự thanh toán qua các hình thức không thu tiền tại nhà năm 2023 là 10.566 hộ, chiếm 10,65%.

Qua 05 năm triển khai ngưng thu tiền nước tại nhà, tổng số khách hàng ngưng thu tiền nước tại nhà tính đến 31/12/2023 là 42.874 hộ/72.718 hộ, đạt 58,95%.

## 5. Công tác quản lý nợ phải thu, nợ phải trả

### a) Các khoản phải thu

Công ty theo dõi chi tiết các khoản phải thu cho từng khoản mục, từng đối tượng, thường xuyên đôn đốc, đối chiếu xác nhận và thu hồi công nợ.

Tính đến ngày 31/12/2023, nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là 15.445.386.019 đồng, trong đó nợ phải thu của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải là 14.083.400.972 đồng (bao gồm: nợ tiền nước là 13.063.464.486 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 1.019.936.486 đồng). Công ty đã nhiều lần mời Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước mới, đồng thời xác nhận và thanh toán công nợ tiền nước giữa hai Công ty. Tuy nhiên, Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải vẫn chưa đồng ý ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước và xác nhận công nợ tiền nước.

Ngày 18/01/2024, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đã nộp đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm yêu cầu Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải thanh toán cho Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận số tiền theo Bản án và lãi chậm thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm đã ban hành Quyết định Thi hành án theo yêu cầu số 704/QĐ-CCTHADS ngày 25/01/2024.

### b) Các khoản phải trả

Công ty theo dõi chi tiết các khoản phải trả cho từng khoản mục, từng đối tượng, thanh toán ngay khi đến hạn, không để nợ quá hạn.

Đối với khoản nợ vốn vay cho dự án hệ thống cấp nước sinh hoạt ADB3, Công ty đã thực hiện trả nợ theo đúng thời hạn trả nợ trong hiệp định vay.

## 6. Thực hiện nghĩa vụ Nhà nước và chia cổ tức cho cổ đông

- Nộp ngân sách nhà nước:

Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, hàng năm Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo và nộp tiền vào ngân sách nhà nước đúng theo quy định (trong đó, năm 2023 đã nộp ngân sách nhà nước với số tiền là 28,323 tỷ đồng). Công ty luôn tuân thủ nguyên tắc tính toán số liệu chính xác trong báo cáo, nộp tiền vào ngân sách nhà nước đúng hạn và chính xác theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước đúng hạn không chỉ là nhiệm vụ pháp lý mà còn là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Qua đó giúp duy trì một môi trường kinh doanh lành mạnh và đóng góp tích cực vào nguồn thu ngân sách quốc gia.

- Chia cổ tức năm 2022:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua mức chi trả cổ tức cho các cổ đông là 36%/cổ phần,

tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần với số tiền là 34.167.027.600 (Ba mươi bốn tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm đồng). Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định.

## **7. Công tác tổ chức, nhân sự và lao động tiền lương**

### **a) Cơ cấu tổ chức**

Hiện tại Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận gồm có:

- 06 phòng chuyên môn: Phòng Tổ chức Hành chính, phòng Công nghệ thông tin, phòng Kế toán Tài vụ, phòng Kế hoạch Kỹ thuật, phòng Kinh doanh và phòng Quản lý mạng lưới;

- 03 Nhà máy nước: NMN Tháp Chàm, NMN Phước Dân và NMN Tân Sơn;

- 01 Đội xây lắp.

### **b) Tình hình nhân sự**

- Tổng số cán bộ, công nhân viên Công ty tính đến ngày 31/12/2023: 268 người; giảm 04 người so với năm 2022.

*Trong đó:*

+ Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát: 02 người;

+ Người quản lý (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng): 04 người;

+ Trưởng: phó các bộ phận, đơn vị trực thuộc: 25 người;

+ Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh: 204 người;

+ Lao động bảo vệ, tạp vụ: 33 người.

- Trình độ: Thạc sỹ 02 người, Đại học 87 người, Cao đẳng 26 người, Trung cấp và tương đương 94 người, Sơ cấp 1 người, Lao động khác: 58 người.

### **c) Công tác lao động, tiền lương, thưởng và thu nhập khác**

- Xác định nguồn lực lao động là tài sản quý giá của Công ty, là nhân tố quyết định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã tổ chức các hoạt động giao lưu, tham quan học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của Nhà nước;

- Công ty đã quyết toán và chi trả đầy đủ quỹ tiền lương thực hiện hàng năm cho người lao động và xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch năm sau liền kề của người lao động, người quản lý;

- Thực hiện thanh toán lương, thưởng cho người lao động, người quản lý đầy đủ theo đúng quy định. Hàng năm, Công ty tổ chức 02 đợt họp xét nâng lương và phụ cấp thâm niên cho người lao động.

#### **d) Công tác pháp chế và an toàn vệ sinh lao động**

- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, hàng tháng, hàng quý Công ty tổ chức họp giao ban để chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị, tổ chức các buổi Hội nghị đối thoại giữa người lao động với lãnh đạo các phòng ban trong Công ty. Thông qua Hội nghị đối thoại, giúp cho ban lãnh đạo Công ty nắm bắt và thấu hiểu những trăn trở, bức xúc của cán bộ, công nhân viên và người lao động để giải quyết và khắc phục những thiếu sót, tồn tại, cũng như ghi nhận các ý kiến đóng góp để điều chỉnh các quy định, chính sách nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;

- Công ty đặt biệt chú trọng đến việc đảm bảo an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và mua bảo hiểm kết hợp con người cho toàn thể người lao động;

- Hàng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên và người lao động tham gia các lớp huấn luyện công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn vệ sinh lao động ở các Nhà máy và các công trình. Qua đó, giúp người lao động nhận thức tầm quan trọng, nâng cao kỹ năng công tác, giảm bớt nguy cơ bệnh nghề nghiệp, ngăn ngừa tai nạn lao động, từ đó dần tiếp cận công nghệ mới, thiết bị hiện đại và thích nghi với xu thế phát triển của Công ty.

#### **đ) Công tác thi đua - khen thưởng**

Công tác thi đua khen thưởng luôn được quan tâm, hàng quý tổ chức bình xét thi đua, tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm bầu chọn ra các nhân tố tích cực, qua đó tạo động lực cho cán bộ công nhân viên và người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Góp phần cùng Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao.

Kết quả năm 2023, Công ty tặng giấy khen cho 03 tập thể và 35 cá nhân có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023.

#### ***Đánh giá chung:***

Năm 2023, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra. Các biện pháp xây dựng để thực hiện nhiệm vụ được áp dụng đầy đủ và toàn diện.

### **III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NHIỆM KỲ III (2019-2024)**

#### **1. Kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2019-2024)**

Ban lãnh đạo Công ty nhiệm kỳ III (2019-2024) cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đã nỗ lực, đưa ra nhiều giải pháp ứng dụng trong công tác quản lý điều hành, công tác sản xuất góp

phần tăng trưởng ổn định và bền vững. Qua đó, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và thu nhập cho người lao động, kết quả đạt được qua các chỉ tiêu cụ thể như sau:

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Nước ghi thu	M <sup>3</sup>	18.821.726	20.868.770	21.150.298	21.974.595	22.793.978
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	177.121	193.924	196.948	210.499	214.160
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	51.787	59.126	59.201	68.208	81.095
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	45.059	54.063	51.643	59.429	72.031
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	173.496	195.457	210.736	238.953	265.687

## 2. Kết quả đầu tư các dự án trọng điểm, ứng dụng giải pháp số hóa và công tác quản lý nhiệm kỳ III (2019-2024)

### a) Đầu tư mua sắm, xây dựng các dự án

- Xác định mục tiêu, tính chiến lược của việc đầu tư, nâng cấp công suất các Nhà máy xử lý nước sạch ở các khu vực đảm bảo tính đúng đắn, phù hợp quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế vùng:

+ Lập dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 120.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Đầu tư xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển.

+ Lập dự án nâng công suất NMN Tân Sơn từ 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Quan tâm việc bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước hiện hữu (Nhà máy xử lý nước, mạng lưới tuyến ống truyền tải, tuyến cấp II, mạng đấu nối với các ống cấp vào nhà dân,...) tối ưu hóa vận hành để phát huy tối đa năng lực cấp nước trong vùng phục vụ mạng lưới hiệu quả kinh tế cho đơn vị:

+ Cải tạo sửa chữa kho chứa PAC nhà máy nước Tháp Chàm.

+ Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục tại trạm bơm tăng áp Phan Rang thuộc nhà máy nước Tháp Chàm.

+ Xây dựng xưởng gia công cơ khí nhà máy nước Tháp Chàm.

+ Trang bị thay thế mới một số máy bơm cấp cho khu vực Phan Rang - Phước Dân thuộc trạm bơm cấp II – Nhà máy nước Tháp Chàm.

+ Trang bị máy phát điện DOOSAN POWER 600KVA tại Trạm bơm I của Nhà máy nước Tháp Chàm.

+ Xây dựng bể chứa 1000 m<sup>3</sup> Nhà máy nước Tân Sơn.

+ Đầu tư đường dây trung áp và trạm biến áp cấp điện cho trạm bơm cấp I; công suất 160 Kva - 22/0.4 KV.

+ Xây dựng tuyến ống cấp nước khu vực Phú Thọ công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày.

- Cải tạo, Di dời các tuyến ống cấp II thuộc các khu vực Phan Rang – Tháp Chàm, huyện Ninh Hải, huyện Ninh Sơn, huyện Ninh Phước,... Đảm bảo mặt bằng thi công để phục vụ thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh, đồng thời vẫn đảm bảo việc cấp nước liên tục, ổn định phục vụ nhân dân trong vùng dự án:

+ Di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường Quốc lộ 27.

+ Di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường phía Nam đường đôi Thống Nhất, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

### **b) Công tác quản lý, ứng dụng công nghệ**

Trong nhiệm kỳ qua, Công ty không ngừng nâng cấp, cải tiến các hệ thống hiện có và triển khai các ứng dụng giải pháp mới phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng đổi mới, hiện đại như:

- Giải pháp mới: Phần mềm quản lý kho vật tư; Quản lý nhân sự tiền lương; Ứng dụng chấm nợ tiền nước trên di động; Báo cáo tra cứu số liệu khách hàng dùng nước qua web eBilling report; Ứng dụng zalo gửi thông báo đến khách hàng dùng nước.

- Cải tiến và nâng cấp phần mềm eBilling, website công ty, website chăm sóc khách hàng.

- Ứng dụng truyền dữ liệu báo cáo tổng hợp hóa đơn điện tử lên Tổng cục Thuế.

- Phát triển kết nối thêm các đơn vị thu hộ tiền nước như: Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, Bưu điện, Viettel Pay, VNPT Pay.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin tại Công ty, phòng máy chủ, thiết bị tường lửa phòng chống tấn công mạng, đường truyền cáp quang, nâng cấp tốc độ mạng nội bộ, máy in siêu tốc.

### **3. Đánh giá chung của Ban Giám đốc Công ty nhiệm kỳ III (2019-2024)**

- Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm (giai đoạn 2019-2024) đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

- Các biện pháp xây dựng để thực hiện nhiệm vụ được áp dụng đầy đủ và toàn diện;

- Nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước, Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;

- Các khoản chi tiêu đúng chính sách chế độ và tiết kiệm, sử dụng vật tư và lao động hợp lý;



- Việc sử dụng vốn đầu tư, quản lý tài sản được quan tâm, quản lý chặt chẽ, đa số tài sản đều phát huy công suất, hiệu quả góp phần tăng doanh thu cho Công ty. Việc thu, chi đúng đối tượng và kịp thời tạo điều kiện hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh;

- Nhằm nâng cao chất lượng công tác cán bộ, đáp ứng nhu cầu thực tế, công tác quản lý hiệu lực và hiệu quả trong nhiệm kỳ, Công ty đã bổ nhiệm 40 người giữ chức vụ từ Tổ trưởng đến Phó; Trưởng các bộ phận, đơn vị trực thuộc; Điều động và luân chuyển 54 cán bộ, công nhân viên và người lao động. Qua đó, phát huy công việc, ứng dụng khoa học công nghệ, số hóa trong sản xuất và kinh doanh của Công ty.

#### **IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2024**

##### **1. Tình hình chung**

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả nhất nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Phát triển thêm nhiều khu vực phục vụ khách hàng để tăng sản lượng. Chú trọng các giải pháp chống thất thoát, phấn đấu năm 2024 hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra;

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty;

- Tiếp tục phát triển mạng lưới, phát huy hết công suất các nhà máy. Hoàn thành các dự án: Cải tạo và nâng cấp nhà máy nước Tân Sơn, nhà máy nước Tháp Chàm, một phần dự án Trạm bơm tăng áp số 2 nhằm tăng năng lực cấp nước; cải tạo mạng ống cũ, tăng cường quản lý chống thất thoát, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát năm 2024 xuống còn  $\leq 18\%$ .

##### **2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kế hoạch năm 2024</b>
1	Nước ghi thu	M <sup>3</sup>	23.036.363
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	207.774
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	60.719
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	53.932
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	263.725

##### **3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh**

###### **a) Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:**

- Hoàn thiện thủ tục, hồ sơ pháp lý các dự án còn chậm tiến độ trong năm 2023 chuyển sang thực hiện trong năm 2024:

+ Cải tạo nâng cấp Nhà máy nước Tháp Chàm công suất từ 52.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 120.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02;

+ Cải tạo nâng cấp Nhà máy nước Tân Sơn từ 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt khu vực Ninh Phước - Thuận Nam (7,4 km đường ống D.400).

- Đẩy mạnh triển khai các dự án nâng cấp cải tạo nâng công suất các Nhà máy trực thuộc Công ty;

- Thực hiện đầu tư các hệ thống Scada, hệ thống điều khiển từ xa, hệ thống tự động hoá nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giám sát, quản lý vận hành;

- Mở rộng mạng lưới tại các khu vực phù hợp quy hoạch để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trên địa bàn quản lý;

- Cải tạo, sửa chữa các hạng mục tại các Nhà máy và văn phòng Công ty tạo môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp;

- Triển khai tốt công tác phân vùng, tách mạng hệ thống cấp nước Công ty quản lý; Cải tạo hệ thống cấp nước cũ, giảm tỷ lệ thất thoát;

- Thực hiện phân vùng tách mạng, kiểm tra xác định chống thất thoát;

- Thực hiện mua sắm theo đúng thủ tục của Nhà nước;

- Quản lý tốt xuất, nhập vật tư.

#### **b) Quản lý đầu tư:**

- Tăng cường công tác quản lý đầu tư, đảm bảo hiệu quả đúng quy định;

- Tăng cường chất lượng thi công, chất lượng tư vấn thiết kế, giám sát.

#### **c) Chất lượng nước:**

- Tăng cường kiểm soát chất lượng nước thô, nước sạch tại các nhà máy;

- Lắp đặt các thiết bị kiểm soát chất lượng nước tại các nhà máy và mạng

lưới.

#### **d) Công tác chống thất thoát, thất thu**

- Cập nhật đầy đủ cơ sở dữ liệu mạng lưới đường ống, khách hàng trên hệ thống phần mềm Diwagis, phục vụ công tác quản lý mạng lưới đường ống và khách hàng sử dụng nước.

- Thống kê các tuyến ống truyền tải cấp nước hiện hữu (cấp 1, cấp 2, cấp 3) lên bản đồ mạng lưới cấp nước Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Hải, Ninh Phước, Ninh Sơn.

- Triển khai thiết lập 08 vùng DMA có tỷ lệ thất thoát cao (*Khu vực: Phan Rang 02, Tháp Chàm 01, Ninh Hải 01, Ninh Phước 02, Ninh Sơn 02*) phần đầu từng bước giảm tỷ lệ thất thoát toàn Công ty xuống dưới 18%;

- Ứng dụng Scada theo dõi các thông số vận hành mạng lưới nhằm đảm bảo lưu lượng, áp lực cấp cho khách hàng và phát hiện những điểm xì chảy lớn, bất thường xảy ra để khắc phục ngay.

- Lắp đặt đồng hồ nước tại Văn phòng Công ty, các nhà máy trực thuộc và Trạm giao dịch nhằm kiểm soát. Qua đó nâng cao ý thức tiết kiệm nước và công tác quản lý tại các bộ phận, đơn vị trực thuộc hiệu quả.

#### **đ) Các vấn đề khác:**

- Ổn định môi trường làm việc, nâng cao mức thu nhập cho cán bộ công nhân viên, ngừng lao động;

- Sắp xếp bộ máy quản lý phù hợp với thực tế sản xuất, thực hiện tốt nội quy, quy chế của Công ty, áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý điều hành;

- Duy trì các hoạt động văn hóa, xã hội tạo môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh.

### **V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỶ IV (2024-2029)**

#### **1. Các chỉ tiêu kế hoạch 05 năm, nhiệm kỳ IV (2024-2029)**

<b>T T</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2026</b>	<b>Năm 2027</b>	<b>Năm 2028</b>
1	Nước ghi thu	M <sup>3</sup>	23.036.363	23.266.726	23.615.728	23.969.964	24.449.362
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	207.774	207.738	206.767	209.789	213.881
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	60.719	52.422	37.760	25.776	34.865
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	53.932	46.563	33.540	22.895	30.968
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	263.725	265.017	265.473	265.316	280.408

#### **2. Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2024-2029)**

Chi đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 05 năm đã đề ra. Phát triển thêm nhiều khu vực phục vụ khách hàng để tăng sản lượng. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông, tăng thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.

Tiếp tục phát triển mạng lưới, phát huy hết công suất các nhà máy và đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh 05 năm như sau:

**a) Tăng cường kiểm soát chất lượng nước thô, nước sạch tại các nhà máy;**

đảm bảo cấp nước an toàn; lắp đặt các thiết bị kiểm soát chất lượng nước tại các nhà máy và mạng lưới.

**b) Quản lý, đầu tư các nhà máy nước:**

- Hoàn thành dự án cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 120.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hoàn thành dự án xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển mang lại nhiều lợi ích thiết thực và cần thiết:

+ Giảm tải cho trạm bơm tăng áp Phan Rang số 1 (TBTA1).

+ Thu hẹp diện cấp nước cho TBTA1, có điều kiện mở diện cấp nước cho khu vực Đông Mỹ Hải, Phú Thọ,...

+ Tạo ra cơ sở hạ tầng cấp nước ổn định, giảm chi phí điện năng, tăng tính an toàn cấp nước đối với đô thị du lịch.

+ Song song với việc xây dựng TBTA 2, cần hoàn thiện mạng lưới phân phối chính sẽ tạo cho hệ thống có chế độ thủy lực ổn định, góp phần giảm đáng kể lượng điện năng tiêu thụ.

- Hoàn thành dự án nâng công suất NMN Tân Sơn lên 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

+ Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của nhân dân, phù hợp với sự phát triển bền vững của thị trấn Tân Sơn đã được định hướng theo quy hoạch thị trấn đến năm 2025.

+ Góp phần giảm nghèo đô thị thông qua việc nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, điều kiện môi trường và cải thiện điều kiện sống của người dân đô thị.

+ Cải thiện và nâng cao điều kiện sống của nhân dân trong khu vực thị trấn và các khu vực lân cận; giảm thiểu các tác động, bệnh tật do sử dụng nước không hợp vệ sinh gây ra.

+ Thúc đẩy phát triển kinh tế chung của thị trấn, thu hút và kêu gọi đầu tư.

+ Đảm bảo an toàn nguồn cung cấp nước.

**c) Đầu tư mạng lưới cấp nước**

- Đầu tư mở rộng các tuyến ống cấp 1 để kết nối các khu vực nhằm truyền dẫn nước sinh hoạt về các trạm bơm tăng áp, cũng như về các khu dân cư tập trung. Đảm bảo nhu cầu dung nước trong vùng phục vụ được liên tục, ổn định:

+ Tuyến ống cấp nước D.400 từ khu Công Nghiệp Phước Nam tới ngã ba Dốc Hầm thuộc xã Cà Ná.

+ Tuyến ống truyền tải song song quốc lộ 27 từ nhà máy nước Tân Sơn đến tuyến đường liên thôn khu vực xã Quảng Sơn (3,7 km ống HDPE D.300).

+ Tuyến ống cấp nước D.150 đường 710 gần ngã ba đường mới đi Từ Tâm – Phú Thọ đến cầu Hòa Thủy, thôn Từ Tâm 1.

- Đầu tư mở rộng, cải tạo mạng lưới tuyến ống cấp III (mạng đầu nối với các ống cấp vào nhà dân) các khu vực trong vùng phục vụ của đơn vị (Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Hải, huyện Ninh Phước, huyện Ninh Sơn, huyện Thuận Nam).

- Xây dựng giải pháp, phương án cải tạo hệ thống cấp nước và mua sắm trang thiết bị công nghệ phục vụ công tác giảm thất thoát các khu vực trong vùng phục vụ của đơn vị (Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Hải, huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam, huyện Ninh Sơn).

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và sản xuất bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng, năng xuất lao động tăng.

đ) Giảm thất thoát, thất thu nước sạch, nước thô và số hóa hệ thống cấp nước 05 năm (giai đoạn 2024 - 2029):

- Đẩy mạnh công tác chống thất thoát, phấn đấu duy trì tỷ lệ thất thoát dưới 15% đến năm 2028. Giải pháp phân vùng, tách mạng, tăng cường công tác dò tìm rò rỉ nước; tăng cường trực sửa chữa các điểm bể; kiểm định đồng hồ nước quá niên hạn.

- Thực hiện hiệu quả quy trình kiểm tra, giám sát chất lượng nước thô, quy trình xúc rửa vệ sinh các bể xử lý, lắp đặt các thiết bị điện tử cảnh báo, giám sát chặt chẽ lưu lượng nước đầu vào và đầu ra (nhu cầu sử dụng của mạng lưới) để hạn chế thất thoát nước từ khâu sản xuất ở mức thấp nhất.

- Tiếp tục hoàn thiện chương trình GIS để tăng cường công tác quản lý.

- Nâng cấp chương trình eBilling đồng bộ cơ sở dữ liệu sang hệ thống phần mềm Diwagis.

- Tăng cường công tác kiểm tra áp đúng mục đích sử dụng nước; kiểm tra biến động sử dụng nước và khách hàng không dùng.

e) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai ngưng thu tiền nước tại nhà, mở rộng các kênh thu hộ. Phát huy sáng kiến và các giải pháp trong công tác ghi, thu nhằm hạn chế tồn thu. Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ tiền nước có tuổi nợ trên 02 năm (kể cả khoản nợ đã trích lập dự phòng), khen thưởng kịp thời cho người lao động thu hồi được nợ xấu, công nợ trên 05 năm.

g) Nâng cao chất lượng dịch vụ:

- Khắc phục sự cố cấp nước kịp thời khi khách hàng phản ánh.

- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kỹ năng giao tiếp, chăm sóc khách hàng.

- Hoàn thiện kênh chăm sóc khách hàng qua Zalo.

- Ứng dụng giải pháp Hợp đồng điện tử (eContract) khi khách hàng ký hợp đồng dịch vụ cấp nước.

- Thường xuyên kiểm soát đánh giá chất lượng phục vụ khách hàng, xếp loại lao động và bình xét thi đua nhằm khuyến khích nhân viên phục vụ khách

hàng tốt nhất.

h) Cải thiện môi trường làm việc; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tạo điều kiện để người lao động phát huy khả năng, lao động sáng tạo, hiệu quả. Nâng cao mức thu nhập cho người lao động.

k) Kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với thực tế, thực hiện tốt nội quy, quy chế của Công ty, áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý điều hành.

l) Sắp xếp, bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ, năng lực chuyên môn của từng lao động.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, nhiệm kỳ III (2019-2024) và kế hoạch năm 2024, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2024-2029) của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua./.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT.



**Đình Ân**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Số: 697/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2024

### TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Nha Trang kiểm toán;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Nha Trang kiểm toán.

*(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Phạm Hữu Sơn**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC  
NINH THUẬN**

SỐ Ỗ BẢN CHÍNH  
Ngày.....tháng.....năm 20.....

  
*gine m*





## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 34

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500289362, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 9 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

### Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- Điện thoại : (0259) 377.80.80

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.

### Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Ông Đinh Ân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Ông Đinh Viết Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019

#### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đinh Ân	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019
Ông Đinh Viết Sơn	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Ân - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

CH  
NC  
TO  
NH

1/2  
1/3  
1/4  
1/5  
1/6  
1/7  
1/8  
1/9  
1/10  
1/11  
1/12  
1/13  
1/14  
1/15  
1/16  
1/17  
1/18  
1/19  
1/20  
1/21  
1/22  
1/23  
1/24  
1/25  
1/26  
1/27  
1/28  
1/29  
1/30  
1/31  
1/32  
1/33  
1/34  
1/35  
1/36  
1/37  
1/38  
1/39  
1/40  
1/41  
1/42  
1/43  
1/44  
1/45  
1/46  
1/47  
1/48  
1/49  
1/50  
1/51  
1/52  
1/53  
1/54  
1/55  
1/56  
1/57  
1/58  
1/59  
1/60  
1/61  
1/62  
1/63  
1/64  
1/65  
1/66  
1/67  
1/68  
1/69  
1/70  
1/71  
1/72  
1/73  
1/74  
1/75  
1/76  
1/77  
1/78  
1/79  
1/80  
1/81  
1/82  
1/83  
1/84  
1/85  
1/86  
1/87  
1/88  
1/89  
1/90  
1/91  
1/92  
1/93  
1/94  
1/95  
1/96  
1/97  
1/98  
1/99  
1/100

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Đình Ân**  
**Giám đốc**

Ngày 13 tháng 3 năm 2024



Số: 3.0085/24/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản phải thu Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền 14.083.400.972 VND. Đây là khoản phải thu theo phán quyết của Tòa án và Công ty xác định doanh thu theo giá bán buôn nước sạch đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt theo Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 11/05/2023 nhưng Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ chưa đồng ý ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước.

A &amp; C

11/1/2024

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 27 tháng 3 năm 2023.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Nha Trang**



---

**Phan Thị Ngọc Trâm**  
**Thành viên Ban Giám đốc**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2023-008-1*  
Người được ủy quyền

---

**Nguyễn Tiến Lộc**  
**Kiểm toán viên**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4304-2023-008-1*

Nha Trang, ngày 13 tháng 3 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>249.500.386.361</b>	<b>219.069.091.764</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.092.349.111</b>	<b>11.047.541.390</b>
1. Tiền	111		11.092.349.111	11.047.541.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>197.525.000.000</b>	<b>167.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	197.525.000.000	167.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29.945.577.714</b>	<b>31.992.141.893</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	15.445.386.019	22.458.556.148
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.300.000	25.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.657.281.774	17.063.962.966
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3.181.390.079)	(7.555.377.221)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.607.321.163</b>	<b>6.342.432.828</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	5.607.321.163	6.342.432.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.330.138.373</b>	<b>2.686.975.653</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	356.066.314	321.348.679
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	4.974.072.059	2.365.626.974
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>130.809.868.771</b>	<b>147.279.169.361</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>100.551.247.376</b>	<b>121.052.673.571</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	100.551.247.376	121.037.539.741
- Nguyên giá	222		477.669.940.443	473.249.775.478
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(377.118.693.067)	(352.212.235.737)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	15.133.830
- Nguyên giá	228		2.832.118.363	2.832.118.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.832.118.363)	(2.816.984.533)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>25.790.067.241</b>	<b>21.941.036.409</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	25.790.067.241	21.941.036.409
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.468.554.154</b>	<b>4.285.459.381</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.468.554.154	4.285.459.381
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>380.310.255.132</b>	<b>366.348.261.125</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>114.623.006.237</b>	<b>127.395.024.101</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>48.065.052.056</b>	<b>45.008.124.156</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.848.882.243	6.834.880.863
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	259.009.976	1.345.802.598
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	-	507.440.708
4. Phải trả người lao động	314	V.14	2.888.117.097	4.335.320.989
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	600.876.235	695.722.358
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a,c	19.849.540.960	13.580.181.811
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	14.290.159.125	15.144.245.028
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.328.466.420	2.564.529.801
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>66.557.954.181</b>	<b>82.386.899.945</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	609.089
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b,c	19.531.012.508	21.069.799.147
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b,c	47.026.332.584	61.316.491.709
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-


 //  
 0c  
 /  
 NP  
 (NI  
 TL  
 )  
 AN  
 /  
 /  
 /



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**


Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

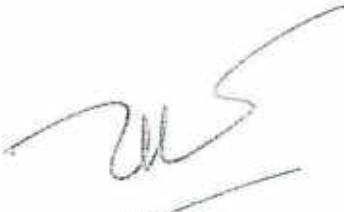
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>265.687.248.895</b>	<b>238.953.237.024</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>265.687.248.895</b>	<b>238.953.237.024</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.965.140.000	1.965.140.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.437.523.720	58.639.647.492
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.376.170.259	83.440.034.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		21.364.380.838	83.440.034.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		71.011.789.421	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>380.310.255.132</b>	<b>366.348.261.125</b>



Lâm Đại Nam  
Người lập



Nguyễn Thu Hoà  
Kế toán trưởng



Đinh Ân  
Giám đốc



Ninh Thuận, ngày 13 tháng 3 năm 2024

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	200.538.154.524	193.704.334.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		200.538.154.524	193.704.334.577
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	118.909.605.853	116.124.769.759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.628.548.671	77.579.564.818
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.708.158.756	8.313.005.529
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.335.722.743	5.256.997.644
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.335.722.743	5.256.997.644
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.727.454.666	5.269.136.116
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.878.953.202	12.854.638.283
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.394.576.816	62.511.798.304
11. Thu nhập khác	31	VI.7	913.660.045	8.481.798.661
12. Chi phí khác	32	VI.8	212.840.021	2.786.080.523
13. Lợi nhuận khác	40		700.820.024	5.695.718.138
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.095.396.840	68.207.516.442
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	9.063.607.419	8.778.599.759
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>72.031.789.421</u>	<u>59.428.916.683</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>6.618</u>	<u>5.186</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>6.618</u>	<u>5.186</u>

Lâm Đại Nam  
Người lập

Nguyễn Thu Hoà  
Kế toán trưởng

Đình Ân  
Giám đốc



Ngày 13 tháng 3 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		81.095.396.840	68.207.516.442
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	24.921.591.160	27.375.708.068
- Các khoản dự phòng	03	V.5	(4.373.987.142)	3.527.891.979
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(11.215.551.810)	(8.313.005.529)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.335.722.743	5.256.997.644
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		94.763.171.791	96.055.108.604
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.950.054.247	(5.082.659.571)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	735.111.665	1.556.086.896
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.809.881.457	(18.145.205.503)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7	(217.812.408)	430.691.267
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15, VI.4	(4.420.269.404)	(5.338.052.101)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(11.489.494.426)	(7.613.563.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	2.980.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(9.369.793.331)	(8.162.433.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>78.763.829.591</b>	<b>53.699.973.056</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,11 VII	(9.936.852.769)	(15.263.125.385)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(199.525.000.000)	(215.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	169.000.000.000	212.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.077.603.799	8.213.983.083
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(29.384.248.970)</b>	<b>(10.049.142.302)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-	-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)	
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16a,19	(34.190.527.872)	(34.190.527.872)	(23.664.852.500)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(49.334.772.900)</b>	<b>(49.334.772.900)</b>	<b>(38.809.097.528)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>44.807.721</b>	<b>44.807.721</b>	<b>4.841.733.226</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>11.047.541.390</b>	<b>11.047.541.390</b>	<b>6.205.808.164</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>11.092.349.111</b>	<b>11.092.349.111</b>	<b>11.047.541.390</b>	

Lâm Đại Nam  
Người lập

Nguyễn Thu Hoà  
Kế toán trưởng



Ninh Thuận, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Đình Ân  
Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 268 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 272 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thay thế đầu nối, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ*

Chi phí thay thế đầu nối được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### *Công cụ, dụng cụ, vật dụng hành chính*

Các công cụ, dụng cụ, vật dụng hành chính đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	06 - 07

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### *Tài sản cố định vô hình khác*

Tài sản cố định vô hình khác ở công ty là Giấy phép khai thác và Chi phí khảo sát, đánh giá hiện trạng xây dựng hệ thống cấp nước. Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa hệ thống vào sử dụng. Các tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 25 năm.

## 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 12. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chia cổ tức của Công ty.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	142.166.500	100.183.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.950.182.611	10.947.357.990
<b>Cộng</b>	<b>11.092.349.111</b>	<b>11.047.541.390</b>

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	197.525.000.000	197.525.000.000	167.000.000.000	167.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>197.525.000.000</b>	<b>197.525.000.000</b>	<b>167.000.000.000</b>	<b>167.000.000.000</b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải <sup>(i)</sup>	14.083.400.972	21.134.625.820
- Tiền nước	13.063.464.486	19.345.018.450
- Tiền lãi chậm thanh toán	1.019.936.486	1.789.607.370
Khách hàng sử dụng nước	1.173.355.587	1.111.130.368
Các khách hàng khác	188.629.460	212.799.960
<b>Cộng</b>	<b>15.445.386.019</b>	<b>22.458.556.148</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(0) Số cuối năm là khoản phải thu tiền nước và tiền lãi chậm thanh toán của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải cho 2 giai đoạn:

- Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 26/7/2023 theo Bản án số 04/2023/KDTM-ST ngày 19/09/2023 với tổng số tiền nước và lãi chậm thanh toán là: 10.868.056.896 VND;
- Từ ngày 27/07/2023 đến ngày 31/12/2023 với tổng số tiền nước và lãi chậm thanh toán là: 3.215.344.076 VND.

Công ty đã xác định doanh thu tiền nước cũng như khoản phải thu theo đơn giá tiền nước 6.000 VND/m<sup>3</sup> (chưa bao gồm thuế GTGT). Đây là đơn giá đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt theo Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 11/05/2023.

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ban QLDA Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (xem thuyết minh số V.16b)	13.028.161.367	-	13.028.161.367	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	91.403.249	-	279.689.284	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.358.863.090	-	3.220.915.079	-
Tạm ứng	18.043.000	-	57.152.000	-
Các khoản phải thu khác	1.160.811.068	-	478.045.236	-
<b>Cộng</b>	<b>17.657.281.774</b>	<b>-</b>	<b>17.063.962.966</b>	<b>-</b>

**5. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải		7.074.581.735	4.660.355.328	15.297.457.270	8.512.498.982	
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>1.229.960.286</i>	<i>614.980.143</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>8.248.066.150</i>	<i>4.124.033.075</i>
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Từ 6 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>5.615.322.300</i>	<i>3.930.725.610</i>	<i>Từ 6 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>5.489.082.900</i>	<i>3.842.358.030</i>
<i>Phải thu tiền lãi chậm thanh toán</i>	-	-	-	<i>Trên 03 năm</i>	<i>180.035.564</i>	-
<i>Phải thu tiền lãi chậm thanh toán</i>	-	-	-	<i>Từ 02 đến dưới 03 năm</i>	<i>720.142.256</i>	<i>216.042.677</i>
<i>Phải thu tiền lãi chậm thanh toán</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>229.299.149</i>	<i>114.649.575</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>660.130.400</i>	<i>330.065.200</i>
Khách hàng dùng nước		753.295.541	81.449.430		775.267.673	100.166.301
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>588.999.430</i>	-	<i>Trên 03 năm</i>	<i>566.068.582</i>	-
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Từ 02 đến dưới 03 năm</i>	<i>38.227.906</i>	<i>11.468.372</i>	<i>Từ 02 đến dưới 03 năm</i>	<i>77.683.223</i>	<i>23.304.967</i>
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>91.333.429</i>	<i>45.666.715</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>75.998.873</i>	<i>37.999.437</i>
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Từ 6 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>34.734.776</i>	<i>24.314.343</i>	<i>Từ 6 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>55.516.995</i>	<i>38.861.897</i>
Các khách hàng khác	Trên 03 năm	95.317.561	-	Trên 03 năm	95.317.561	-
<b>Cộng</b>		<b>7.923.194.837</b>	<b>4.741.804.758</b>		<b>16.168.042.504</b>	<b>8.612.665.283</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.555.377.221	9.534.295.423
Trích lập dự phòng bổ sung	2.486.043.730	8.664.333.621
Hoàn nhập dự phòng	<u>(6.860.030.872)</u>	<u>(10.643.251.823)</u>
Số cuối năm	<u>3.181.390.079</u>	<u>7.555.377.221</u>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.117.926.205	-	5.853.037.870	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	489.394.958	-	489.394.958	-
<b>Cộng</b>	<u>5.607.321.163</u>	<u>-</u>	<u>6.342.432.828</u>	<u>-</u>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	91.787.751	144.696.358
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản	65.641.226	82.367.000
Chi phí khác	198.637.337	94.285.321
<b>Cộng</b>	<u>356.066.314</u>	<u>321.348.679</u>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ	3.267.173.108	3.798.735.101
Công cụ, dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	343.216.512	274.350.812
Chi phí sửa chữa tài sản khác	858.164.534	212.373.468
<b>Cộng</b>	<u>4.468.554.154</u>	<u>4.285.459.381</u>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	64.945.052.144	35.850.896.833	370.647.401.992	1.253.149.799	553.274.710	473.249.775.478
Mua trong năm	-	885.000.000	-	-	-	885.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	230.332.498	1.307.618.000	1.875.366.616	121.847.851	-	3.535.164.965
<b>Số cuối năm</b>	<u>65.175.384.642</u>	<u>38.043.514.833</u>	<u>372.522.768.608</u>	<u>1.374.997.650</u>	<u>553.274.710</u>	<u>477.669.940.443</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	11.540.991.971	19.716.034.793	88.443.987.939	630.967.981	47.200.000	120.379.182.684
Chờ thanh lý	3.606.180.000	2.151.422.173	6.971.089.236	93.272.727	506.074.710	13.328.038.846

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	39.633.611.891	27.931.010.953	283.199.127.844	895.210.339	553.274.710	352.212.235.737
Khấu hao trong năm	4.312.697.489	1.867.503.168	18.611.399.927	114.856.746	-	24.906.457.330
Số cuối năm	<u>43.946.309.380</u>	<u>29.798.514.121</u>	<u>301.810.527.771</u>	<u>1.010.067.085</u>	<u>553.274.710</u>	<u>377.118.693.067</u>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	<u>25.311.440.253</u>	<u>7.919.885.880</u>	<u>87.448.274.148</u>	<u>357.939.460</u>	<u>-</u>	<u>121.037.539.741</u>
Số cuối năm	<u>21.229.075.262</u>	<u>8.245.000.712</u>	<u>70.712.240.837</u>	<u>364.930.565</u>	<u>-</u>	<u>100.551.247.376</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	1.817.072.000	1.015.046.363	2.832.118.363
Số cuối năm	<u>1.817.072.000</u>	<u>1.015.046.363</u>	<u>2.832.118.363</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	1.817.072.000	1.015.046.363	2.832.118.363
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.801.938.170	1.015.046.363	2.816.984.533
Khấu hao trong năm	15.133.830	-	15.133.830
Số cuối năm	<u>1.817.072.000</u>	<u>1.015.046.363</u>	<u>2.832.118.363</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>15.133.830</u>	<u>-</u>	<u>15.133.830</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	1.336.301.327	(1.336.301.327)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	21.941.036.409	6.878.719.422	(2.198.863.638)	(830.824.952)	25.790.067.241
- Trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02, công suất 36.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	18.496.470.954	218.810.357	-	-	18.715.281.311
- Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tháp Chàm	2.232.822.289	3.785.145.492	-	-	6.017.967.781

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
- <i>Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn</i>		376.157.234	-	-	376.157.234
- <i>Di dời đường ống cấp nước hiện hữu thuộc Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên hải</i>	-	591.228.668			591.228.668
- <i>Di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường đôi vào TP.PR-TC</i>	1.133.957.499	482.292.967	(1.616.250.466)	-	-
- <i>Các công trình khác</i>	77.785.667	1.425.084.704	(582.613.172)	(830.824.952)	89.432.247
<b>Cộng</b>	<b>21.941.036.409</b>	<b>8.215.020.749</b>	<b>(3.535.164.965)</b>	<b>(830.824.952)</b>	<b>25.790.067.241</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>3.420.000</b>	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	3.420.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>5.845.462.243</b>	<b>6.834.880.863</b>
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	2.003.236.200	1.395.428.400
Công ty Cổ phần Đông Á	505.440.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Sông Dinh	162.606.629	696.518.338
Công ty TNHH Xây dựng An Nguyên	-	1.805.028.445
Các nhà cung cấp khác	3.174.179.414	2.937.905.680
<b>Cộng</b>	<b>5.848.882.243</b>	<b>6.834.880.863</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Toàn Tâm Ninh Thuận	203.125.437	-
Tiền cọc lắp đặt hệ thống nước	-	1.266.280.500
Các khách hàng khác	55.884.539	79.522.098
<b>Cộng</b>	<b>259.009.976</b>	<b>1.345.802.598</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	376.038.011	5.540.533.544	(5.746.551.941)	-	-	582.056.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53.092.334	9.063.607.419	(11.489.494.426)	-	-	2.478.979.341
Thuế thu nhập cá nhân	-	66.731.260	784.388.269	(784.388.269)	-	-	66.731.260
Thuế tài nguyên, cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	106.679.880	878.598.280	(868.924.520)	-	-	97.006.120



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	19.124.035	(20.066.789)	-	-	942.754
Lệ phí môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	-	1.763.085.489	2.318.040.954	(2.303.311.641)	-	-	1.748.356.176
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	-	-	7.757.984	(7.757.984)	-	-	-
Dịch vụ thoát nước	507.440.708	-	-	(496.766.740)	(10.673.968)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>507.440.708</b>	<b>2.365.626.974</b>	<b>18.621.050.485</b>	<b>(21.726.262.310)</b>	<b>(10.673.968)</b>	<b>-</b>	<b>4.974.072.059</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Khai thác và cung cấp nước sạch 5%
- Lắp đặt hệ thống nước, bán vật tư,... 10%

Từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ lĩnh vực xã hội hóa theo các quy định sau:

- Quy định tại điều 8 và điều 16 nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ và theo điều 15, điều 16 và điều 19 nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.
- Quy định tại mục V danh mục, loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại mục VI Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ).
- Theo khoản 3, Điều 11, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 quy định Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hoá).

Các khoản thu nhập khác phải nộp thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	81.095.396.840	68.207.516.442
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	486.540.794	4.013.333.370
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.373.987.142)	-
Thu nhập tính thuế/Thu nhập chịu thuế	77.207.950.492	72.220.849.812

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập chịu thuế suất 10%	63.779.826.797	56.655.702.033
- Thu nhập chịu thuế suất 20%	13.428.123.695	15.565.147.779
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.063.607.419	8.778.599.759
- Chi phí thuế theo thuế suất 10%	6.377.982.680	5.665.570.203
- Chi phí thuế theo thuế suất 20%	2.685.624.739	3.113.029.556
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>9.063.607.419</b>	<b>8.778.599.759</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên để sản xuất nước sạch với giá tính thuế 2.000 VND/m<sup>3</sup>, thuế suất 1%.

#### Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường với mức thuế cho từng hoạt động như sau:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 10% trên giá bán của 01 m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp: số phí cố định và biến đổi được tính theo quy định.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 14. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác còn phải trả người lao động, người quản lý; thù lao phải trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	310.995.129	395.541.790
Chi phí nhiên liệu	123.905.300	125.314.400
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	165.975.806	174.866.168
<b>Cộng</b>	<b>600.876.235</b>	<b>695.722.358</b>

#### 16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

##### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản đền bù di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường Vĩnh Hy – Ninh Chữ <sup>(i)</sup>	12.643.420.000	12.643.420.000
Khoản đền bù di dời đường ống cấp nước hiện hữu thuộc Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên hải <sup>(ii)</sup>	4.492.833.038	-
Cổ tức phải trả	110.205.161	133.705.433
Kinh phí công đoàn	36.590.031	36.150.319

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.456.072.443	-
Dịch vụ thoát nước	545.798.390	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	290.957.212	274.457.716
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	273.664.685	492.448.343
<b>Cộng</b>	<b><u>19.849.540.960</u></b>	<b><u>13.580.181.811</u></b>

- (i) Khoản tiền nhận hỗ trợ di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường Vĩnh Hy – Ninh Chữ theo quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận.
- (ii) Khoản tiền bồi thường, hỗ trợ di dời hệ thống cấp nước hiện hữu thuộc dự án “Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải- tiểu dự án thành phố Phan Rang – Tháp Chàm”, tương ứng chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã thực hiện di dời đến ngày 31/12/2023 là 591.228.668 VND (xem thuyết minh số 10).

#### 16b. Phải trả dài hạn khác

Theo Văn bản số 4773/UBND-KT ngày 9/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã ban hành Quyết định số 16/QĐ/CTCPCN ngày 10/03/2009 thành lập Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 – Ninh Thuận để thực hiện Dự án phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực miền Trung, tiểu dự án tỉnh Ninh Thuận. Trong thời gian thực hiện Dự án, Công ty đã chuyển tiền đối ứng cho Ban QLDA Cấp thoát nước đô thị ADB4 – Ninh Thuận để thực hiện công trình là 13.028.161.367 VND (xem thuyết minh số V.4).

Giá trị tài sản của Dự án này (phần cấp nước) được Công ty tạm ghi tăng tài sản theo hồ sơ quyết toán công trình xác nhận thanh toán cuối cùng ngày 27/06/2014 với số tiền 46.866.616.290 VND. Theo công văn số 2153/UBND-KTTH ngày 06/05/2021, công văn số 4903/UBND-KTTH ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận; công văn số 3634/STC-VP ngày 19/09/2023 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền đã trích khấu hao của dự án. Số tiền đã tạm nộp trong các năm 2021, 2022 và 2023 lần lượt là 14.000.000.000 VND, 11.796.817.143 VND và 1.538.786.639 VND, tổng số tiền đã nộp đến ngày 31/12/2023 là 27.335.603.782 VND. Phần chênh lệch giữa giá trị tài sản tạm ghi tăng và số tiền tạm nộp tại ngày cuối năm là 19.531.012.508 VND (tại ngày đầu năm là 21.069.799.147 VND).

Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị – Ninh Thuận thực hiện quyết toán. Giá trị tài sản cũng như khoản phải thu và phải trả Ban QLDA cấp thoát nước đô thị – Ninh Thuận sẽ được điều chỉnh theo hồ sơ quyết toán chính thức.

#### 16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Vay ngắn hạn/dài hạn

##### 17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	14.290.159.125	15.144.245.028
- Khoản vay ADB	13.436.095.028	13.436.095.028
- Khoản vay AFD	854.064.097	1.708.150.000
<b>Cộng</b>	<b><u>14.290.159.125</u></b>	<b><u>15.144.245.028</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.144.245.028	15.144.245.028
Kết chuyển từ vay dài hạn	14.290.159.125	15.144.245.028
Số tiền vay đã trả	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.290.159.125</b>	<b>15.144.245.028</b>

### 17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung bộ <sup>(i)</sup>	47.026.332.584	61.316.491.709
- Khoản vay ADB	47.026.332.584	60.462.427.612
- Khoản vay AFD	-	854.064.097
<b>Cộng</b>	<b>47.026.332.584</b>	<b>61.316.491.709</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung bộ theo các Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty như sau:

- Hiệp định vay vốn ADB ngày 26 tháng 7 năm 2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty với tổng mức vốn vay là 11.836.000 USD nhằm mục đích đầu tư về “Dự án thứ ba Cấp nước vệ sinh cho các thị xã, thị trấn ADB3”. Thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm tính trên số dư nợ vay, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả thành 32 khoản bằng nhau trong 32 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 01/12/2012;
- Khoản vay vốn AFD ngày 03 tháng 6 năm 2003 giữa Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung bộ và Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với tổng mức vốn vay là 18.943.147.000 VND nhằm mục đích đầu tư về “Dự án cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn”. Thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 09 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm tính trên số dư nợ vay, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay, lãi phạt chậm trả là 8,8%/năm, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 26 kỳ trả nợ. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 31/10/2011

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	14.290.159.125	15.144.245.028
Trên 1 năm đến 5 năm	47.026.332.584	54.598.444.209
Trên 5 năm	-	6.718.047.500
<b>Cộng</b>	<b>61.316.491.709</b>	<b>76.460.736.737</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	61.316.491.709	76.460.736.737
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(14.290.159.125)	(15.144.245.028)
<b>Số cuối năm</b>	<b>47.026.332.584</b>	<b>61.316.491.709</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Tăng do điều chỉnh trích quỹ từ năm 2018 đến 2021	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	810.421.864	7.807.690.458	2.980.000	(6.611.843.000)	65.470.601	2.074.719.923
Quỹ phúc lợi	1.673.544.931	3.000.000.000	-	(2.460.655.000)	(39.706.440)	2.173.183.491
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	80.563.006	297.295.331	-	(297.295.331)	-	80.563.006
<b>Cộng</b>	<b>2.564.529.801</b>	<b>11.104.985.789</b>	<b>2.980.000</b>	<b>(9.369.793.331)</b>	<b>25.764.161</b>	<b>4.328.466.420</b>

**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	94.908.414.916	1.965.140.000	46.047.345.680	67.814.998.725	210.735.899.321
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	59.428.916.683	59.428.916.683
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2021	-	-	12.592.301.812	(19.956.778.292)	(7.364.476.480)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2022	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(23.727.102.500)	(23.727.102.500)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>1.965.140.000</b>	<b>58.639.647.492</b>	<b>83.440.034.616</b>	<b>238.953.237.024</b>
Số dư đầu năm nay	94.908.414.916	1.965.140.000	58.639.647.492	83.440.034.616	238.953.237.024
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	72.031.789.421	72.031.789.421
Điều chỉnh trích quỹ do điều chỉnh lợi nhuận từ năm 2018 đến 2021	-	-	(30.798.777)	5.034.616	(25.764.161)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2022	-	-	17.828.675.005	(27.913.660.794)	(10.084.985.789)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(34.167.027.600)	(34.167.027.600)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(1.020.000.000)	(1.020.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>1.965.140.000</b>	<b>76.437.523.720</b>	<b>92.376.170.259</b>	<b>265.687.248.895</b>

**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận	49.405.554.916	49.405.554.916
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	40.224.860.000
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	4.278.000.000	4.278.000.000
<b>Cộng</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>94.908.414.916</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.490.841	9.490.841
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.490.841	9.490.841
- Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.490.841	9.490.841

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 606/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích trong năm nay</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	17.828.675.005	-	17.828.675.005
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.204.985.789	120.000.000	10.084.985.789
• Chia cổ tức	34.167.027.600	-	34.167.027.600

Ngoài ra, Công ty còn tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm nay với số tiền 1.020.000.000 VND theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 thông qua. Quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm 2024 quyết định chính thức.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động cấp nước	194.170.750.214	186.381.313.566
Doanh thu lắp đặt hệ thống nước	6.367.404.310	7.323.021.011
<b>Cộng</b>	<b><u>200.538.154.524</u></b>	<b><u>193.704.334.577</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động cấp nước	114.459.731.192	110.934.941.052
Giá vốn lắp đặt ống nước	4.449.874.661	5.189.828.707
<b>Cộng</b>	<b><u>118.909.605.853</u></b>	<b><u>116.124.769.759</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.215.551.810	8.083.706.380
Lãi chậm thanh toán	1.492.606.946	229.299.149
<b>Cộng</b>	<b><u>12.708.158.756</u></b>	<b><u>8.313.005.529</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

Là chi phí lãi vay.

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	870.833.419	1.252.557.737
Chi phí vật liệu, bao bì	3.150.498.571	3.599.790.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	389.007.676	199.589.967
Các chi phí khác	317.115.000	217.198.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.727.454.666</u></b>	<b><u>5.269.136.116</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.358.860.064	2.378.362.644
Chi phí vật liệu quản lý	514.438.861	484.526.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	500.831.748	720.596.197
Thuế, phí và lệ phí	1.221.168.875	1.177.494.808
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(4.373.987.142)	3.527.891.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	986.301.333	939.757.913
Các chi phí khác	3.671.339.463	3.626.008.583
- Chi phí trang phục	1.265.500.000	1.266.500.000
- Chi phí khác	2.405.839.463	2.359.508.583
<b>Cộng</b>	<b><u>4.878.953.202</u></b>	<b><u>12.854.638.283</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ khoản thực thu tiền bồi thường theo Bản án sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 30/08/2022	478.833.568	-
Thu nhập từ dịch vụ thoát nước	280.896.225	246.580.572
Thu nhập từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	96.585.040	108.320.994
Thanh lý công cụ dụng cụ	49.215.909	-
Thu nhập từ bồi thường di dời tuyến ống	-	8.003.670.754
Thu nhập khác	8.129.303	123.226.341
<b>Cộng</b>	<b><u>913.660.045</u></b>	<b><u>8.481.798.661</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên thu phí dịch vụ bảo vệ môi trường và dịch vụ thoát nước	164.575.400	325.045.700
Chi phí vật tư, nhân công di dời tuyến ống	-	2.179.758.000
Chi phí khác	48.264.621	281.276.823
<b>Cộng</b>	<b>212.840.021</b>	<b>2.786.080.523</b>

### 9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72.031.789.421	59.428.916.683
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(i)</sup>	(9.222.863.069)	(10.204.985.789)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	62.808.926.352	49.223.930.894
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	9.490.841	9.490.841
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>6.618</b>	<b>5.186</b>

<sup>(i)</sup> Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm tính theo lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2023 và tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 thông qua. Quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty quyết định chính thức.

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.341.908.813	59.846.483.700
Chi phí nhân công	35.185.103.456	34.722.939.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.921.591.160	27.375.708.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.103.206.983	2.799.159.333
Chi phí dự phòng	(4.373.987.142)	3.527.891.979
Chi phí khác	6.338.190.451	5.976.361.143
<b>Cộng</b>	<b>128.516.013.721</b>	<b>134.248.544.158</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh giao dịch mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp với số tiền 1.167.921.656 VND (năm trước là 2.835.578.628 VND).

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Tiền lương, tiền thưởng và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát*

	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>					
Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch HĐQT	454.707.000	56.718.900	-	511.425.900
Ông Đinh Ân	Thành viên HĐQT - Giám đốc	437.688.432	52.987.000	75.031.200	565.706.632
Ông Đinh Việt Sơn	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	375.161.496	48.689.000	75.031.200	498.881.696
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	375.161.496	45.056.700	75.031.200	495.249.396
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên HĐQT	-	-	75.031.200	75.031.200
Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	382.664.736	49.066.800	-	431.731.536
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Kiểm soát viên	-	-	60.025.200	60.025.200
<b>Cộng</b>		<b>2.025.383.160</b>	<b>252.518.400</b>	<b>360.150.000</b>	<b>2.638.051.560</b>
<b>Năm trước</b>					
Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch HĐQT	458.466.420	52.951.700	-	511.418.120
Ông Đinh Ân	Thành viên HĐQT - Giám đốc	441.307.152	50.357.900	75.651.600	567.316.652
Ông Đinh Việt Sơn	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	378.263.256	46.541.900	75.651.600	500.456.756
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	378.263.256	42.226.400	75.651.600	496.141.256
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên HĐQT	-	-	75.651.600	75.651.600
Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	385.828.536	45.777.900	-	431.606.436
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Kiểm soát viên	-	-	60.522.000	60.522.000
Bà Vũ Đình Trúc Vi (miễn nhiệm ngày 27/4/2022)	Kiểm soát viên	-	-	20.174.000	20.174.000
<b>Cộng</b>		<b>2.042.128.620</b>	<b>237.855.800</b>	<b>383.302.400</b>	<b>2.663.286.820</b>

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Cổ đông, nắm giữ 52,06% vốn điều lệ
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	Cổ đông, nắm giữ 42,38 % vốn điều lệ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận</b>		
Trả cổ tức	17.785.998.000	12.351.387.500
<b>Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận</b>		
Trả cổ tức	14.480.949.600	10.056.215.000
Mua vật tư và sử dụng dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT)	96.960.000	114.023.000

### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.11.

## 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 3 năm 2024

 Lâm Đại Nam Người lập	 Nguyễn Thu Hoà Kế toán trưởng	 Đinh Ân Giám đốc
---	---	---



**TỜ TRÌNH**

Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau:

**1. Phân phối lợi nhuận:**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	21.364.380.838	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	72.031.789.421	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	93.396.170.259	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2023:	33.916.009.518	d = e+f+g
	+ Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	21.609.536.826	e = (b * 30%)
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong đó:	12.011.615.184	f
	Quỹ khen thưởng	9.011.615.184	
	Quỹ phúc lợi	3.000.000.000	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	294.857.508	g

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	59.480.160.741	$h = c - d$
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 47% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	44.606.952.700	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	4.700	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2024	14.873.208.041	$j = h - i$

## 2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức: 11/6/2024
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 11/7/2024

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Số: 699/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2024

### TỜ TRÌNH

Về việc: Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2023 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Nha Trang kiểm toán;*

*Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán mức chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2023 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2024 cụ thể như sau:

**1/ Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023:**

**a/ Hội đồng quản trị:**

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 454.707.000 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 300.124.800 đồng

**Tổng cộng: 754.831.800 đồng**

Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi một ngàn, tám trăm đồng.

**b/ Ban kiểm soát:**

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 382.664.736 đồng



+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 60.025.200 đồng

**Tổng cộng: 442.689.936 đồng**

Bằng chữ: *Bốn trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn, chín trăm ba mươi sáu đồng.*

**c/ Thư ký công ty:**

01 người, mức chi là: 75.031.200 đồng

Bằng chữ: *Bảy mươi lăm triệu, không trăm ba mươi một ngàn, hai trăm đồng.*

\* Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.272.552.936 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn, chín trăm ba mươi sáu đồng.*

**2/ Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024:**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024, cụ thể:

**a/ Hội đồng quản trị:**

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 379.134.696 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 250.243.200 đồng

**Tổng cộng: 629.377.896 đồng**

Bằng chữ: *Sáu trăm hai mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi bảy ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng.*

**b/ Ban kiểm soát:**

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 319.065.852 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 100.096.800 đồng

**Tổng cộng: 419.162.652 đồng**

Bằng chữ: *Bốn trăm mười chín triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm năm mươi hai đồng.*

**c/ Thư ký:**

+ Thù lao Thư ký Công ty:

01 người, mức chi là: 62.560.800 đồng

Bằng chữ: *Sáu mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm đồng.*\* Tổng cộng tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị,  
Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: 1.111.101.348 đồngBằng chữ: *Một tỷ, một trăm mười một triệu, một trăm lẻ một ngàn, ba trăm bốn mươi tám đồng.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.

**Phạm Hữu Sơn**

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Số: 97/TTr-BKS



## TỜ TRÌNH

Về việc: lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;*

*Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20/11/2023 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

### **1. Đề xuất về tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:**

- Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;
- Là Công ty có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao, kinh nghiệm lâu năm;
- Có kinh nghiệm đã từng kiểm toán cho các đơn vị cấp nước;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp.

### **2. Đề xuất về lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:**

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một



trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí nêu trên theo quy định pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS, Thư ký Cty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

  
**Bá Bạch Thủy Tiên**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Số: 700/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2024

## TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, của địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;*

*Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

*(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.



**Phạm Hữu Sơn**

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**  
 (Kèm theo tờ trình số 700/TTr-HĐQT ngày 26/4/2024)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý năm 2024				Ghi chú
				Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	Quý IV/2024	
<b>I</b>	<b>SẢN XUẤT - KINH DOANH</b>							
1	Nước ghi thu		22.793.978	5.335.547	5.933.858	6.112.020	5.654.938	23.036.363
	+ M <sup>3</sup> nước ghi thu	m <sup>3</sup>	20.410.401	4.790.341	5.328.384	5.457.491	5.038.289	20.614.505
	+ M <sup>3</sup> nước cung cấp ĐMH	m <sup>3</sup>	1.878.334	427.872	476.819	511.446	490.372	1.906.509
	+ M3 Sơn Hải	m <sup>3</sup>	505.243	117.334	128.655	143.083	126.277	515.349
2	Doanh thu	tr đ	214.160	48.674	53.471	54.934	50.695	207.774
	+ Doanh thu nước ghi thu	tr đ	178.502	41.890	46.595	47.724	44.058	180.267
	+ Doanh thu nước cung cấp ĐMH	tr đ	11.270	2.567	2.861	3.069	2.942	11.439
	+ Doanh thu nước Sơn Hải	tr đ	4.399	1.022	1.120	1.246	1.100	4.488
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành	tr đ	6.188	1.250	1.250	1.250	1.250	5.000
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành Sơn Hải	tr đ	179	50	50	50	50	200
	+ Doanh thu tài chính	tr đ	12.708	1.800	1.500	1.500	1.200	6.000
	+ Doanh thu khác	tr đ	914	95	95	95	95	380
3	Chi phí	tr đ	133.065	35.024	37.252	37.567	37.212	147.055
3.1	Giá vốn hàng bán	tr đ	118.910	29.730	31.993	32.374	31.966	126.063
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	tr đ	58.046	13.974	15.541	16.007	14.810	60.332



TTT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý năm 2024					Tổng 2024	Ghi chú
				Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	Quý IV/2024			
	+ Chi phí nhân công	tr đ	25.049	6.820	6.820	6.820	6.820	27.280		
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	4.338	1.174	1.174	1.174	1.174	4.696		
	+ Ăn ca	tr đ	2.165	581	581	581	581	2.324		
	+ Kinh phí CD	tr đ	404	105	105	105	105	420		
	+ Khấu hao TSCD	tr đ	24.421	5.808	6.361	6.234	7.132	25.535		
	+ Chi phí sản xuất chung	tr đ	4.487	1.268	1.411	1.453	1.344	5.476		
3.2	<b>Chi phí tài chính</b>	tr đ	<b>4.336</b>	<b>930</b>	<b>889</b>	<b>824</b>	<b>790</b>	<b>3.433</b>		
3.3	<b>Chi phí bán hàng</b>	tr đ	<b>4.728</b>	<b>1.410</b>	<b>1.411</b>	<b>1.412</b>	<b>1.412</b>	<b>5.645</b>		
	+ Chi phí nhân công	tr đ	871	325	325	325	325	1.300		
	+ Chi phí nguyên vật liệu	tr đ	2.521	698	699	699	699	2.795		
	+ Chi phí khác	tr đ	1.336	387	387	388	388	1.550		
3.4	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	tr đ	<b>4.878</b>	<b>2.864</b>	<b>2.869</b>	<b>2.867</b>	<b>2.954</b>	<b>11.554</b>		
	+ Chi phí nhân công	tr đ	2.719	579	579	580	580	2.318		
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	295	77	78	78	78	311		
	+ Ăn ca	tr đ	52	13	13	13	14	53		
	+ Kinh phí CD	tr đ	27	7	7	7	7	28		
	+ Kinh phí Đảng bộ	tr đ	56	17	21	18	94	150		
	+ Chi phí khấu hao TS	tr đ	501	126	126	126	136	514		
	+ Chi phí khác	tr đ	1.228	2.045	2.045	2.045	2.045	8.180		
3.5	<b>Chi phí khác</b>	tr đ	<b>213</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>360</b>		
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	tr đ	<b>81.095</b>	<b>13.650</b>	<b>16.219</b>	<b>17.367</b>	<b>13.483</b>	<b>60.719</b>		
5	<b>Thuế TNDN</b>	tr đ	<b>9.064</b>	<b>1.526</b>	<b>1.813</b>	<b>1.941</b>	<b>1.507</b>	<b>6.787</b>		
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	tr đ	<b>72.031</b>	<b>12.124</b>	<b>14.406</b>	<b>15.426</b>	<b>11.976</b>	<b>53.932</b>		

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý năm 2024				Ghi chú
				Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	Quý IV/2024	
<b>II</b>	<b>TÀI CHÍNH</b>							
1	Vốn điều lệ	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908
2	Vốn chủ sở hữu	tr đ	256.751	214.714	251.749	263.725	263.725	263.725
	<i>Trong đó:</i>							
	+ Vốn góp của chủ sở hữu	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908
	+ Thặng dư vốn cổ phần	tr đ	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965
	+ Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	76.438	76.438	98.047	98.047	98.047	98.047
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	tr đ	83.440	41.403	56.829	68.805	68.805	68.805
3	Các khoản thuế, phí phải nộp	tr đ	28.323	5.616	5.479	5.149	20.984	20.984
	<i>Trong đó:</i>	tr đ						
3.1	Các khoản nộp NSNN	tr đ	20.437	3.555	3.366	3.198	13.004	13.004
	+ Thuế TNDN	tr đ	11.489	1.813	1.941	1.507	6.787	6.787
	+ Thuế GTGT	tr đ	5.747	750	750	750	3.000	3.000
	+ Thuế tài nguyên	tr đ	44	9	9	9	36	36
	+ Quyền khai thác nước NMN Tháp Chàm	tr đ	825	363	50	363	826	826
	+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	tr đ	20	19	-	-	19	19
	+ Thuế môn bài	tr đ	9	-	-	-	9	9
	+ Phí BVMĐVNNTSH	tr đ	2.303	601	616	569	2.327	2.327
3.2	Các khoản phí, dịch vụ khác	tr đ	7.886	2.061	2.113	1.951	7.980	7.980
	+ Phí NTCN	tr đ	8	1	1	1	7	7
	+ Phí DV MT rừng	tr đ	1.169	309	318	294	1.198	1.198
	+ Dịch vụ thoát nước	tr đ	6.709	1.751	1.794	1.656	6.775	6.775

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý năm 2024				Công 2024	Ghi chú
				Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	Quý IV/2024		
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	76%	13%	15%	16%	13%	57%	
5	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	tr đ	19.565	-	9.442	-	8.357	17.799	
<b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>									
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	tr đ	21.364					14.873	
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	tr đ	72.031					53.932	
3	Quý đầu tư phát triển	tr đ	21.609					16.180	
4	Quý khen thưởng	tr đ	9.011					5.145	
5	Quý phúc lợi	tr đ	3.000					2.000	
6	Quý thưởng viên chức quản lý	tr đ	295					164	
7	Chi cổ tức	tr đ	44.607					37.963	
8	Lợi nhuận để lại	tr đ	14.873					7.353	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUAN

TRÁI PHẢN ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG CHỨC TỊCH



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Số: 701/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

Về việc: Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm nhiệm kỳ IV (2024-2029)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, của địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;*

*Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

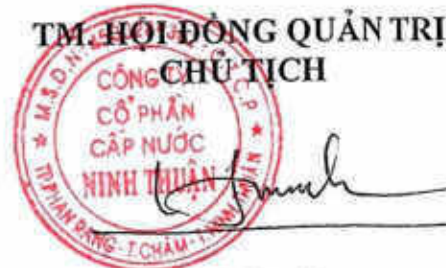
Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm nhiệm kỳ IV (2024-2029).

*(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.



**Phạm Hữu Sơn**

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM NHIỆM KỶ IV (2024-2029)**  
(Kèm theo tờ trình số 701/Tr-HĐQT ngày 26/4/2024)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	KH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	Ghi chú
<b>I</b>	<b>SẢN XUẤT - KINH DOANH</b>								
1	Nước ghi thu		22.793.978	23.036.363	23.266.726	23.615.728	23.969.964	24.449.362	
	+ M <sup>3</sup> nước ghi thu	m <sup>3</sup>	20.410.401	20.614.505	20.820.650	21.132.960	21.449.954	21.878.953	
	+ M <sup>3</sup> nước cung cấp ĐMH	m <sup>3</sup>	1.878.334	1.906.509	1.925.574	1.954.458	1.983.775	2.023.450	
	+ M3 Sơn Hải	m <sup>3</sup>	505.243	515.349	520.502	528.310	536.235	546.959	
2	Doanh thu	tr đ	214.160	207.774	207.738	206.767	209.789	213.881	
	+ Doanh thu nước ghi thu	tr đ	178.502	180.267	182.069	184.800	187.572	191.324	
	+ Doanh thu nước cung cấp ĐMH	tr đ	11.270	11.439	11.553	11.727	11.903	12.141	Tính giá 6.000 đ chưa VAT
	+ Doanh thu nước Sơn Hải	tr đ	4.399	4.488	4.532	4.600	4.669	4.763	
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành	tr đ	6.188	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành Sơn Hải	tr đ	179	200	200	200	200	200	
	+ Doanh thu tài chính	tr đ	12.708	6.000	4.000	50	50	50	
	+ Doanh thu khác	tr đ	914	380	384	390	395	403	
3	Chi phí	tr đ	133.065	147.055	155.316	169.007	184.013	179.016	
3.1	Giá vốn hàng bán	tr đ	118.910	126.063	132.944	143.090	157.567	154.281	
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	tr đ	58.046	60.332	63.843	66.519	67.198	66.882	



STT	Chi tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	KH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	Ghi chú
	+ Chi phí nhân công	tr đ	25.049	27.280	27.920	29.640	31.361	32.586	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	4.338	4.696	4.929	5.175	5.434	5.706	
	+ Ăn ca	tr đ	2.165	2.324	2.442	2.564	2.692	2.827	
	+ Kinh phí CD	tr đ	404	420	441	463	486	511	
	+ Khấu hao TSCD	tr đ	24.421	25.535	27.829	33.143	44.763	40.088	
	+ Chi phí sản xuất chung	tr đ	4.487	5.476	5.540	5.586	5.633	5.681	
3.2	Chi phí tài chính	tr đ	4.336	3.433	5.268	9.098	9.875	7.728	
3.3	Chi phí bán hàng	tr đ	4.728	5.645	5.702	5.758	5.816	5.874	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	871	1.300	1.313	1.326	1.339	1.353	
	+ Chi phí nguyên vật liệu	tr đ	2.521	2.795	2.823	2.851	2.880	2.908	
	+ Chi phí khác	tr đ	1.336	1.550	1.566	1.581	1.597	1.613	
3.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	tr đ	4.878	11.554	11.042	10.701	10.395	10.773	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	2.719	2.318	2.119	1.783	1.517	1.821	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	295	311	326	342	359	377	
	+ Ăn ca	tr đ	52	53	53	53	53	53	
	+ Kinh phí CD	tr đ	27	28	30	32	33	35	
	+ Kinh phí Đảng bộ	tr đ	56	150	100	110	120	169	
	+ Chi phí khấu hao TS	tr đ	501	514	512	441	334	294	
	+ Chi phí khác	tr đ	1.228	8.180	7.902	7.940	7.979	8.024	
3.5	Chi phí khác	tr đ	213	360	360	360	360	360	
4	Lợi nhuận trước thuế	tr đ	81.095	60.719	52.422	37.760	25.776	34.865	
5	Thuế TNDN	tr đ	9.064	6.787	5.859	4.220	2.881	3.897	
6	Lợi nhuận sau thuế	tr đ	72.031	53.932	46.563	33.540	22.895	30.968	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	KH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	Gh chú
II	<b>TÀI CHÍNH</b>								
1	Vốn điều lệ	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	
2	Vốn chủ sở hữu	tr đ	256.751	263.725	265.017	265.473	265.316	280.408	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Vốn góp của chủ sở hữu	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	
	+ Thặng dư vốn cổ phần	tr đ	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	
	+ Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	76.438	98.047	114.227	128.196	138.258	145.126	
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	tr đ	83.440	68.805	53.916	40.404	30.185	38.409	
3	Các khoản thuế, phí phải nộp	tr đ	28.323	20.984	20.177	18.695	17.513	18.744	
	<i>Trong đó:</i>	tr đ							
3.1	Các khoản nộp NSNN	tr đ	20.437	13.004	12.116	10.513	9.209	10.274	
	+ Thuế TNDN	tr đ	11.489	6.787	5.859	4.220	2.881	3.897	
	+ Thuế GTGT	tr đ	5.747	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	
	+ Thuế tài nguyên	tr đ	44	36	37	37	37	37	
	+ Quyền khai thác nước NMN Tân Sơn	tr đ	-	-	18	18	18	18	
	+ Quyền khai thác nước NMN Tháp Chàm	tr đ	825	826	825	825	825	825	
	+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	tr đ	20	19	19	19	19	19	
	+ Thuế môn bài	tr đ	9	9	9	9	9	9	
	+ Phí BVMTDVNTSH	tr đ	2.303	2.327	2.349	2.385	2.420	2.469	
3.2	Các khoản phí, dịch vụ khác	tr đ	7.886	7.980	8.061	8.182	8.304	8.470	
	+ Phí NTCN	tr đ	8	7	8	8	8	8	
	+ Phí DV MT rừng	tr đ	1.169	1.198	1.210	1.228	1.246	1.271	
	+ Dịch vụ thoát nước	tr đ	6.709	6.775	6.843	6.946	7.050	7.191	

STT	Chi tiêu	DVT	TH 2023	KH 2024	KH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	Ghi chú
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	76%	57%	49%	35%	24%	33%	
5	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	tr đ	19.565	17.799	18.771	22.601	35.851	26.953	
<b>III PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>									
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	tr đ	21.364	14.873	7.353	6.864	7.290	7.442	
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	tr đ	72.031	53.932	46.563	33.540	22.895	30.968	
3	Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	21.609	16.180	13.969	10.062	6.868	9.290	
4	Quỹ khen thưởng	tr đ	9.011	5.145	5.308	5.741	6.175	6.485	
5	Quỹ phúc lợi	tr đ	3.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
6	Quỹ thưởng viên chức quản lý	tr đ	295	164	150	126	107	129	
7	Chi cổ tức	tr đ	44.607	37.963	25.625	15.185	7.593	13.287	
8	Lợi nhuận để lại	tr đ	14.873	7.353	6.864	7.290	7.442	7.218	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUAN

TRỤ SỞ ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TRƯỞNG TỊCH

CỔ PHẦN

CẤP NƯỚC

NINH THUAN

Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Số: 702/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2023

### TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;*

*Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2024.

*(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.



**Phạm Hữu Sơn**

**KẾ HOẠCH MUA SẮM VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024**  
(Kèm theo Tờ trình số 702/Tr-HĐQT ngày 26/4/2024)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2024	Kế hoạch năm 2024				Cộng năm 2024	Kế hoạch bổ trí vốn năm 2024
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
A	Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 chuyển qua	đồng	1.170.076.839	42.399.342.774	20.422.187.433	-	17.427.155.341	4.550.000.000	42.399.342.774	23.932.145.420
I	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m <sup>3</sup> /ngày lên 120.000 m <sup>3</sup> /ngày	đồng	-	8.350.000.000	-	-	3.800.000.000	4.550.000.000	8.350.000.000	4.175.000.000
1	Công trình trạm bơm nước thô; Đường ống công nghệ; Máy bơm Q=2.500 m <sup>3</sup> /h, H=25 mét; Cải tạo tủ điện, cáp điện và máng cáp	đồng	-	3.800.000.000	-	-	3.800.000.000	-	3.800.000.000	-
2	Đường ống nước thô D700	đồng	-	4.550.000.000	-	-	-	4.550.000.000	4.550.000.000	-
II	Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển	đồng	811.024.904	28.584.394.709	14.957.239.368	-	13.627.155.341	-	28.584.394.709	14.292.197.355
1	Chi phí tư vấn; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng...	đồng	811.024.904	3.505.996.430	3.505.996.430	-	-	-	-	-
2	Sàn nền	đồng	-	1.799.759.796	1.799.759.796	-	-	-	-	-
3	Sàn đường	đồng	-	1.733.232.691	1.733.232.691	-	-	-	-	-
4	Hàng rào	đồng	-	2.130.376.434	2.130.376.434	-	-	-	-	-
5	Thoát nước	đồng	-	3.273.914.701	3.273.914.701	-	-	-	-	-
6	Trạm biến áp và Đường dây trung thế	đồng	-	2.291.633.744	2.291.633.744	-	-	-	-	-
7	Bể chứa	đồng	-	13.627.155.341	-	-	13.627.155.341	-	-	-
8	Điện chiếu sáng ngoài trời	đồng	-	222.325.572	222.325.572	-	-	-	-	-
III	Lập dự án nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	đồng	268.020.986	231.979.014	231.979.014	-	-	-	231.979.014	231.979.014
1	Chi phí tư vấn; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng...	đồng	268.020.986	231.979.014	231.979.014	-	-	-	-	-
IV	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước	đồng	91.030.949	3.238.969.051	3.238.969.051	-	-	-	3.238.969.051	3.238.969.051
1	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng	-	1.080.000.000	1.080.000.000	-	-	-	-	1.080.000.000
1.1	Sơn sửa khối nhà làm việc, sơn sửa hàng rào NMN Tháp Chàm và sơn sửa hàng rào Trạm bơm trạm tăng áp Phan Rang	đồng	-	580.000.000	580.000.000	-	-	-	-	-
1.2	Cải tạo sân nền, thoát nước, sơn sửa hàng rào trạm bơm tăng áp Phan Rang	đồng	-	420.000.000	420.000.000	-	-	-	-	-
1.3	Thay tôn cụm lọc bể lọc số 1,2,3,4 khu xử lý 40.000 m <sup>3</sup> /ngđ	đồng	-	80.000.000	80.000.000	-	-	-	-	-

STT	Chi tiêu	DVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch đầu tư chuyên tiếp qua năm 2024	Kế hoạch năm 2024				Công năm 2024	Kế hoạch bổ trí vốn năm 2024
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
2	Nhà máy nước Phước Dân	đồng	91.030.949	2.158.969.051	2.158.969.051	-	-	-	2.158.969.051	
2.1	Thay bơm Trạm bơm nước sạch Nhà máy nước Phước Dân	đồng	91.030.949	1.908.969.051	-	-	-	-		
2.2	Quét vôi lượng rào Trạm giao dịch Cà Ná, Sơn sửa tương đồng trực nhà làm việc Trạm bơm Cà Ná	đồng	-	250.000.000	-	-	-	-		
V	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ	đồng	-	1.994.000.000	-	-	-	-	1.994.000.000	1.994.000.000
1	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng	-	550.000.000	-	-	-	-	550.000.000	
1.1	Thay đồng hồ chấm học chất PAC	đồng	-	100.000.000	-	-	-	-		
1.2	Trang bị hệ thống đo độ đục online và cảnh báo mức nước tại NMN Tháp Chàm	đồng	-	450.000.000	-	-	-	-		
2	Mua đồng hồ đo lưu lượng cho các nhà máy nước	đồng	-	1.444.000.000	-	-	-	-	1.444.000.000	
2.1	Trang bị đồng hồ đo lưu lượng phục vụ công tác phân vùng tách mạng - NMN Tân Sơn	đồng	-	600.000.000	-	-	-	-		
2.2	Trang bị thay thế đồng hồ đo lưu lượng cũ khu vực Trà Giang Quảng Sơn	đồng	-	350.000.000	-	-	-	-		
2.3	Đồng hồ lưu lượng D300 Trạm bơm tầng áp Phan Rang	đồng	-	247.000.000	-	-	-	-		
2.4	Đồng hồ lưu lượng D300 Trạm bơm tầng áp Khánh Nhơn	đồng	-	247.000.000	-	-	-	-		
B	Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024	đồng	-	14.198.750.595	39.049.434.539	22.497.765.539	4.308.919.988	80.054.870.661	69.421.464.513	
1	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m <sup>3</sup> /ngày lên 120.000 m <sup>3</sup> /ngày	đồng	-	-	-	20.134.385.000	-	20.134.385.000	10.067.192.500	
1	Chi phí tư vấn; chi phí khảo; chi phí giải phóng mặt bằng...	đồng	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	
2	Trạm bơm nước sạch			-	-	9.899.000.000	-	9.899.000.000		
2.1	Bơm cấp Phan Rang (Máy bơm trục đứng Q=1.500 m <sup>3</sup> /h, H=45 mét và đường ống công nghệ)	đồng	-	-	-	2.599.000.000	-			
2.2	Bơm cấp Phước Dân (Máy bơm trục đứng Q=560 m <sup>3</sup> /h, H=45 mét và đường ống công nghệ)	đồng	-	-	-	2.236.000.000	-			
2.3	Bơm cấp Tháp Chàm (Máy bơm trục đứng Q=1600 m <sup>3</sup> /h, H=45 mét và đường ống công nghệ)	đồng	-	-	-	5.064.000.000	-			
3	Điện đồng lực & Điện chiếu	đồng	-	-	-	7.810.000.000	-	7.810.000.000		
3.1	Trạm bơm nước Sạch (Cải tạo tủ điện, cấp điện, nâng cấp, Tủ điện biến tần và máy phát điện)	đồng	-	-	-	7.810.000.000	-			
4	Công trình xử lý bùn	đồng	-	-	-	425.385.000	-	425.385.000		
4.1	Hàng rào kẽm giữ trạ hệ tổng	đồng	-	-	-	425.385.000	-			

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2024	Kế hoạch năm 2024				Kế hoạch bổ trợ vốn năm 2024	
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
II	Lập dự án nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	đồng			479.187.847	-	-	653.239.449	1.132.427.296	566.213.648
1	Chi phí tư vấn (Lập BCNCKT, QLDA, ĐTM, KTNM, Thẩm tra thiết kế cơ sở)				479.187.847			-		
2	Chi phí Thiết kế bản vẽ thi công dự toán				-			597.613.014		
3	Chi phí thẩm tra bản vẽ thi công dự toán				-			55.626.435		
III	Dự án Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt khu vực huyện Ninh Phước - Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	đồng				34.339.254.000			34.339.254.000	34.339.254.000
IV	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước và văn phòng công ty	đồng								5.398.932.209
1	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng								
1.1	Sửa chữa và sơn công, hàng rào Trạm bơm cấp I	đồng								
1.2	Sửa chữa và sơn lại lan can khu xử lý 40.000 m <sup>2</sup> /ngày	đồng								
1.3	Xử lý chống thấm các bể chứa thuộc NMIN Tháp Chàm	đồng								
1.4	Cải tạo khuôn viên và sửa chữa nhà vệ sinh, sơn nước trạm bơm tăng áp Phan Rang	đồng								
1.5	Sơn lại Trạm tăng áp Đồng Mỹ Hải	đồng								
1.6	Sơn trạm bơm Khánh Nhơn, quét vôi tường rào Trạm tăng áp Khánh Nhơn	đồng								
1.7	Nâng công suất máy bơm số 3 Trạm tăng áp Phan Rang truyền tải đi Trạm tăng áp Đồng Mỹ Hải	đồng								
2	Nhà máy nước Phước Dân	đồng								
2.1	Thay bơm Trạm bơm nước sạch Nhà máy nước Phước Dân	đồng								
2.2	Sơn mới và chống thấm phòng vận hành Nhà máy nước Phước Dân	đồng								
3	Nhà máy nước Tân Sơn	đồng								
3.1	Sơn sửa khu nhà kho, nhà hóa chất, bếp ăn, khu vực phòng máy và tường rào xung quanh trạm bơm cấp II; Tường rào, phòng bảo vệ và nhà kho trạm bơm cấp I	đồng								
3.2	Chống thấm toàn bộ phía trong bể chứa 1.000m <sup>3</sup>	đồng								
4	Xây mới phòng giao dịch và tường rào mặt trước văn phòng Công ty	đồng								
V	Lắp đặt DMA phục vụ công tác phân vùng tách mạng, chống thất thoát các nhà máy nước	đồng								
					3.214.050.000	3.413.600.000	1.366.800.000	2.659.100.000	10.653.550.000	10.653.550.000

STT	Chi tiêu	DVYT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2024	Kế hoạch năm 2024				Tổng năm 2024	Kế hoạch bổ trợ vốn năm 2024
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
1	Khu vực Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Hải	đồng			986.850.000	2.563.600.000	516.800.000	1.341.600.000	5.408.850.000	
1.1	Triển khai CTT khu vực PR DMA 9	đồng			986.850.000					
1.2	Triển khai CTT khu vực Phan Rang DMA 10	đồng				986.850.000				
1.3	Triển khai CTT khu vực Phan Rang DMA 15	đồng				1.576.750.000				
1.4	Triển khai CTT khu vực Tháp Chàm DMA 1	đồng					516.800.000			
1.4	Triển khai CTT khu vực Tháp Chàm DMA 2	đồng						818.720.000		
1.4	Triển khai CTT khu vực Tháp Chàm DMA 3	đồng						522.880.000		
2	Khu vực Ninh Phước - Thuận Nam	đồng			863.600.000	425.000.000	-	850.000.000	2.138.600.000	
2.1	Thiết lập phân vùng tách mạng DMA Bàu Trúc 1	đồng			863.600.000					
2.2	Thiết lập phân vùng tách mạng DMA Chung Mỹ	đồng				425.000.000				
2.3	Thiết lập phân vùng tách mạng DMA Mỹ Nghiệp	đồng						850.000.000		
3	Khu vực Ninh Sơn	đồng			863.600.000	425.000.000		850.000.000	2.606.100.000	
3.1	Vùng Tam Anh đến nghĩa trang Hành Trì (DMA01)	đồng			863.600.000					
3.2	Vùng Mỹ Liên đến Suối Môn (DMA02)	đồng				425.000.000				
3.3	Vùng Nguyễn Trường Tô đến hết Trà Giang (KP6 và 1 phần Trà Giang 3 xã Lương Sơn) (DMA03)	đồng					850.000.000			
3.4	Vùng Tân Sơn A đến hết Trà Giang (KP1 và 1 phần Trà Giang 3 xã Lương Sơn) (DMA04)	đồng						467.500.000		
4	Chi phí tư vấn lập dự án giảm thất thoát các khu vực	đồng			500.000.000	-	-	-	500.000.000	
VI	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ	đồng			4.110.000.000	300.000.000	-	-	4.410.000.000	4.410.000.000
1	Các nhà máy nước	đồng			3.110.000.000	-	-	-	3.110.000.000	
1.1	Thay thế đồng hồ lưu lượng D:600 truyền tải đi Trạm tăng áp Phan Rang	đồng			660.000.000					
2	Mua mới máy bơm hướng gió ITO trạm 2 NMIN Tháp Chàm	đồng			1.000.000.000					
1.3	Trang bị thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng sửa các nhà máy (Máy đo độ đục cầm tay NMIN Tháp Chàm và NMIN Tân Sơn)	đồng			150.000.000					
1.4	Mua thiết bị truyền dòng điều khiển van bơm D 300 bơm số 3 Trạm bơm tăng áp Phan Rang truyền tải đi Đồng Mỹ Hải	đồng			300.000.000					
1.5	Mua hồ sung Khoris đồng miền 160KW Đồng Mỹ Hải	đồng			200.000.000					
1.6	Sửa chữa, thay thế hệ thống PLC của hệ lọc khu xử W-40.000 m3/ngày đêm NMIN Tháp Chàm	đồng			500.000.000					



STT	Chi tiết	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2024	Kế hoạch năm 2024				Cộng năm 2024	Kế hoạch bổ trợ vốn năm 2024
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
1.7	Trang bị sửa chữa màn hình trung tâm SC1000 NMN Tháp Chàm	đồng			300.000.000					
2	Chống thất thoát nước				1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	
2.1	Thiết bị phục vụ giám sát thoát khu vực Phan Rang - Tháp Chàm - Ninh Hải	đồng			500.000.000					
2.2	Thiết bị phục vụ giám sát thoát khu vực Ninh Phước - Thuận Nam	đồng			250.000.000					
2.3	Thiết bị phục vụ giám sát thoát khu vực Ninh Sơn	đồng			250.000.000					
3	Thiết bị máy chủ của phòng IT				-	300.000.000	-	-	300.000.000	
VII	Mở rộng và cải tạo sửa chữa tuyến ống các khu vực	đồng			450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
1	Mở rộng tuyến ống các khu vực	đồng			200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000	800.000.000	
1.1	Khu vực Phan Rang, Tháp Chàm, Thuận Nam, Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn.	đồng			200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000		
2	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống các khu vực	đồng			250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	1.000.000.000	
2.1	Khu vực Phan Rang, Tháp Chàm, Thuận Nam, Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn.	đồng			250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000		
VIII	Đầu tư lắp mới trụ cứu hoả các khu vực	đồng			546.580.539	546.580.539	546.580.539	546.580.539	2.186.322.156	2.186.322.156
3.1	36 trụ				546.580.539	546.580.539	546.580.539	546.580.539	2.186.322.156	
C	Kinh phí dự phòng (sử dụng cho trượt giá và tăng khối lượng)	đồng			350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
1	Dự phòng Năng cấp, sửa chữa, cải tạo các Nhà máy nước	đồng			150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	600.000.000	
2	Dự phòng mở rộng, cải tạo, sửa chữa mang lưới tưới tuyến ống các khu vực	đồng			50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	200.000.000	
3	Dự phòng sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ	đồng			150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	600.000.000	
<b>TỔNG CỘNG:</b>					34.970.938.028	39.399.434.539	40.274.920.880	9.208.919.988	123.854.213.435	94.753.609.933

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUAN  
T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
C. PH. CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2023

Số: 703/TTr-HĐQT

### TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch thực hiện các dự án trọng tâm 05 năm  
nhiệm kỳ IV (2024-2029)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;*

*Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch thực hiện các dự án trọng tâm 05 năm nhiệm kỳ IV (2024-2029), cụ thể như sau:

#### **A. Dự án, công trình thực hiện đầu tư:**

**I. Tiếp tục thực hiện các dự án thuộc Kế hoạch mua sắm và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 chuyển qua:**

1. Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 120.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2. Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển.

3. Dự án nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### **II. Dự án, công trình thực hiện năm 2024 – 2029:**

1. Dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước:

1.1 Tuyến ống cấp nước D400 từ khu Công Nghiệp Phước Nam tới ngã ba Dốc Hầm thuộc xã Cà Ná (10,6 km ống HDPE D400);

1.2 Dự án xây dựng tuyến ống truyền tải song song QL27 từ nhà máy nước Tân Sơn đến tuyến đường liên thôn khu vực xã Quảng Sơn (3,7 km ống HDPE D300);

1.3 Tuyến ống cấp nước D150 đường 710 gần ngã ba đường mới đi Từ Tâm - Phú Thọ đến cầu Hòa thủy, thôn Từ Tâm 1 (2,6 km ống HDPE D160);

1.4 Nâng công suất trạm bơm tăng áp Đông Mỹ Hải;

1.5 Dự án giảm thất thoát các khu vực thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Hải, huyện Ninh Sơn, huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam;

1.6 Dự án Mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Hải, huyện Ninh Sơn, huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam.

2. Duy tu, bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy xử lý nước và trạm bơm tăng áp.

3. Duy tu, bảo trì, bảo dưỡng Mạng lưới cấp nước khác khu vực thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; huyện Ninh Hải, huyện Ninh Sơn, huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam.

### **B. Nguồn kinh phí thực hiện dự án, công trình:**

Hàng năm, Căn cứ vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính thực tế của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, Hội đồng quản trị Công ty sẽ xây dựng Kế hoạch mua sắm và đầu tư xây dựng cơ bản (*chi tiết từng dự án, công trình và kinh phí đầu tư*) trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để triển khai thực hiện theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.



**Phạm Hữu Sơn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Số: 704/TT-**HDQT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2024*

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát  
nhiệm kỳ III (2019-2024) và bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát  
nhiệm kỳ IV (2024-2029)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

*Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;*

*Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;*

*Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định  
chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng  
dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị  
định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi  
hành một số điều của luật chứng khoán;*

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022,*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

**I. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nhiệm  
kỳ III (2019 - 2024)**

**1. Thành viên Hội đồng quản trị gồm:**

- |                         |                          |
|-------------------------|--------------------------|
| - Ông Phạm Hữu Sơn      | Chức vụ: Chủ tịch HĐQT   |
| - Ông Đinh Ân           | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| - Ông Đinh Việt Sơn     | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Quốc Quyền | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| - Ông Võ Ngọc Thoại     | Chức vụ: Thành viên HĐQT |

**2. Thành viên Ban kiểm soát gồm:**

- |                        |                         |
|------------------------|-------------------------|
| - Bà Bá Bạch Thủy Tiên | Chức vụ: Trưởng BKS     |
| - Bà Đinh Lê Ngọc Trâm | Chức vụ: Thành viên BKS |

• Thời gian miễn nhiệm HĐQT và BKS kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ  
đông thường niên 2024 thông qua

**II. Thực hiện bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,  
nhiệm kỳ IV (2024 - 2029)**

**1. Thành viên Hội đồng quản trị:**

- Số lượng: 05 người